VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển

Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Căn cứ Bộ luật hàng hải số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

---

[1] Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải."

Thông tư này quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, bao gồm: nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước và dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước cảng biển do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công gồm Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

2. Hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải là hợp đồng ký kết giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về việc nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng.

3. Hợp đồng thi công là hợp đồng ký kết giữa Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và nhà thầu thi công nạo vét duy tu luồng.

4. Nhà đầu tư là doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn để thực hiện hợp đồng dự án xã hội hóa nạo vét vùng nước cảng biển.

Chương II
NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng

1. Kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng thuộc Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải hàng năm được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, trong đó gồm có nội dung kế hoạch thực hiện nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng của năm kế hoạch và nội dung kế hoạch thực hiện công tác chuẩn bị cho các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng của năm tiếp theo (bao gồm tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét, khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình và công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhận chìm chất nạo vét ở biển, giao khu vực biển và các công tác khác có liên quan).

2. Việc lập kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình hàng hải và căn cứ vào các thông tin cơ bản sau:

a) Tầm quan trọng của tuyến luồng đối với hoạt động hàng hải, khai thác các cảng biển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng tại khu vực;

b) Số liệu thống kê về khối lượng hàng hóa, lượt tàu thông qua cảng trong thời gian 03 năm gần nhất;

c) Số liệu thống kê kích thước cỡ tàu và mớn nước khai thác hành hải trên luồng, tần suất và cao độ mực nước chạy tàu hiệu quả;

d) Diễn biến sa bồi, kết quả nạo vét duy tu trong thời gian 03 năm gần nhất để dự báo khối lượng nạo vét duy tu;

đ) Phương án vị trí đổ chất nạo vét phù hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chấp thuận.

3. Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện nghiên cứu, tìm kiếm, lập danh mục các vị trí đổ chất nạo vét của các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng được giao quản lý và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép vị trí đổ chất nạo vét.

Điều 5. Nội dung công tác kiểm tra giám sát

Nội dung công tác kiểm tra, giám sát công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 20 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (Nghị định số 159/2018/NĐ-CP) và các nội dung sau:

1. Nhật ký thi công phải được ghi theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công ghi chép nhật ký thi công nạo vét theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hàng tuần, tư vấn giám sát gửi báo cáo thông qua hệ thống bưu chính viễn thông hoặc trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo bản chụp nhật ký thi công công trình (trong tuần báo cáo).

3. Công tác kiểm tra, lưu trữ dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét được quy định như sau:

a) Trước khi triển khai thi công công trình, chủ đầu tư (nhà đầu tư đối với dự án xã hội hóa nạo vét) chủ trì cùng đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS, đơn vị tư vấn giám sát, nhà thầu thi công công trình tiến hành kiểm tra hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nhà thầu thi công có trách nhiệm cung cấp đầy đủ dữ liệu thu được từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Đơn vị tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện, tổng hợp đầy đủ ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) theo quy

định và cung cấp kèm theo Báo cáo tuần tư vấn giám sát quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho Cục Hàng hải Việt Nam và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện nạo vét có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu hiện trường về số lượng phương tiện, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ từ thiết bị AIS lắp trên các phương tiện tham gia thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện thi công do nhà thầu thi công cung cấp và ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) tại các thời điểm theo quy định do đơn vị tư vấn giám sát cung cấp;

e) Dữ liệu thu được từ hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét phải được lưu trữ trong thời gian 03 năm.

Mục 2
TỔ CHỨC THỰC HIỆN NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI THEO HÌNH THỨC KHOÁN DUY TRÌ CHUẨN TẮC TRONG KHOẢNG THỜI GIAN XÁC ĐỊNH

Điều 6. Thiết kế, dự toán công trình

1. Lập thiết kế, dự toán công trình

Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định được lập trên cơ sở:

a) Vị trí đổ chất nạo vét được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chấp thuận đảm bảo tiếp nhận chất nạo vét trong thời gian khoán duy trì chuẩn tắc;

b) Chuẩn tắc duy trì của tuyến luồng đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng từ nguồn ngân sách nhà nước;

c) Khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng được tính toán là khối lượng trung bình hàng năm, xác định trên cơ sở diễn biến khối lượng sa bồi, tính toán trên các số liệu khảo sát thông báo hàng hải định kỳ, số liệu đo đạc bàn giao mặt bằng công trình và số liệu đo đạc nghiệm thu nạo vét duy tu của tuyến luồng trong khoảng thời gian tối thiểu 03 năm gần nhất. Khối lượng nạo vét bao gồm khối lượng nạo vét ban đầu (xác định trên số liệu khảo sát thông báo hàng hải mới nhất và được chuẩn xác khi đo đạc bàn giao mặt bằng) và khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng trong khoảng thời gian từ sau đợt nạo vét ban đầu đến hết thời gian khoán duy trì chuẩn tắc luồng;

d) Dự toán kinh phí nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc được xác định theo khối lượng nạo vét tương ứng với chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, vị trí đổ chất nạo vét và thời gian duy trì chuẩn tắc.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm

a) Căn cứ Kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được Bộ Giao thông vận tải giao, hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải được ký giữa Cục Hàng hải Việt Nam với Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và vị trí đổ chất nạo vét được cấp có thẩm quyền chấp thuận, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị tư vấn thẩm tra, đơn vị tư vấn bảo vệ môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển (nếu có); tổ chức lập, thẩm tra và trình Cục Hàng hải Việt Nam thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định, dự toán kinh phí bảo vệ môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển, kinh phí giao khu vực biển (nếu có); rà soát, trình đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất, đề cương nhiệm vụ và

phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu do các đơn vị tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát lập;

b) Căn cứ vị trí đổ chất nạo vét của tuyến luồng được chấp thuận, kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để yêu cầu đơn vị tư vấn lập, hoàn thành hồ sơ về bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt các nội dung do Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Phê duyệt dự toán kinh phí khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất cho tuyến luồng được nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc với tần suất thực hiện tối đa 03 lần/tuyến luồng/năm. Phạm vi đo đạc khảo sát mỗi lần do chủ đầu tư chỉ định với diện tích khảo sát tối đa bằng 30% diện tích mặt bằng tuyến luồng để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu thi công;

c) Phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí các chi phí tư vấn của công tác bảo vệ môi trường.

Điều 7. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 8. Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công nạo vét duy tu tuyến luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định;

b) Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng, tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất, tư vấn khảo sát đo

đạc nghiệm thu, tư vấn kiểm toán công trình và đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Chấp thuận nội dung hợp đồng thi công nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm:

a) Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn đấu thầu thi công nạo vét. Lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định, trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt;

b) Tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định và trình Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công theo quy định;

c) Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Thương thảo nội dung hợp đồng nạo vét duy tu: phạm vi, quy mô, chuẩn tắc, phương tiện, thiết bị thi công, thời gian thực hiện hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, xử lý vi phạm, trường hợp bất khả kháng và các nội dung cần thiết khác; trình Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận nội dung hợp đồng; tiến hành ký hợp đồng thi công nạo vét theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định với nhà thầu thi công.

Điều 9. Bàn giao mặt bằng thi công

Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tư vấn giám sát và tư vấn lập thiết kế tổ chức thực hiện bàn giao mặt bằng công trình cho nhà thầu thi công trước thời điểm thực hiện thi công nạo vét.

Điều 10. Tổ chức thi công công trình

1. Nhà thầu thi công có trách nhiệm

a) Thực hiện các yêu cầu về công tác môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan;

b) Tuân thủ đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được phê duyệt trong suốt quá trình thi công;

c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và phù hợp với hợp đồng thi công nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện đã ký kết;

d) Thực hiện thi công nạo vét theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật, bảo đảm luôn duy trì đúng chuẩn tắc thiết kế (chiều dài, bề rộng luồng, cao độ đáy, mái dốc nạo vét và các nội dung khác có liên quan) của toàn tuyến luồng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

đ) Trong thời hạn chậm nhất 02 ngày, kể từ khi phát hiện các vị trí cạn hoặc theo phản ánh, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác tuyến luồng, nhà thầu thi công phải khảo sát, lập phương án nạo vét; chậm nhất 05 ngày, kể từ khi phát hiện các vị trí cạn hoặc theo phản ánh, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác tuyến luồng, nhà thầu hi công phải tiến hành nạo vét các vị trí cạn để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, thời gian hoàn thành thi công không quá 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu triển khai thi công nạo vét khắc phục các vị trí cạn sau khi nhận được phản ánh, yêu cầu; đồng thời thông báo cho đơn vị tư vấn giám sát để thực hiện giám sát thi công theo quy định.

Trường hợp do điều kiện thời tiết không thể thực hiện được việc khảo sát, nạo vét các vị trí cạn (có xác nhận của Cảng vụ Hàng hải tại khu vực và kèm theo bản tin thời tiết tại thời điểm không thể thực hiện được), nhà thầu thi công phải báo cáo ngay cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công để được hướng dẫn và chậm nhất 02 ngày, kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng, phải thực hiện

khảo sát, lập phương án nạo vét và tiến hành nạo vét ngay các vị trí cạn để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, thời gian hoàn thành thi công không quá 20 ngày, kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng và bắt đầu triển khai thi công nạo vét khắc phục các vị trí cạn;

e) Lựa chọn đơn vị khảo sát đo đạc nghiệm thu nội bộ kết quả thi công công trình tại hiện trường theo quy định. Thực hiện đo đạc khảo sát kết quả nạo vét các đoạn cạn bằng kinh phí của nhà thầu thi công trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

g) Trường hợp nhà thầu thi công không hoàn thành việc nạo vét đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng đúng thời gian, tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và bị nhắc nhở, phản ánh mà không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này thì Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét quyết định giảm trừ chi phí trong hợp đồng tương ứng với phần thời gian không bảo đảm chuẩn tắc (kể từ thời điểm phản ánh đến khi hoàn thành việc khắc phục);

h) Trường hợp nhà thầu thi công bị nhắc nhở, phản ánh đến lần thứ hai mà vẫn không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn (đã được nhắc nhở, phản ánh lần thứ nhất) đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét quyết định tiến hành lựa chọn nhà thầu khác có đủ năng lực để thi công nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc với đơn giá phù hợp với điều kiện thi công tại thời điểm thực hiện. Nhà thầu thi công sẽ phải thanh toán đầy đủ cho nhà thầu được lựa chọn thi công thay thế. Nếu nhà thầu thi công chậm trễ trong thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho nhà thầu được lựa chọn khi đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục thanh toán theo quy định, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định có liên quan của pháp luật và thỏa thuận của hợp đồng thi

công đã ký kết để đảm bảo việc thanh toán cho nhà thầu được lựa chọn thi công thay thế;

i) Trường hợp nhà thầu thi công không hoàn thành việc nạo vét đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng và bị nhắc nhở, phản ánh lần thứ ba mà vẫn không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này hoặc có hành vi đổ chất nạo vét không đúng vị trí, chuyển nhượng thầu trái quy định pháp luật và các hoạt động nạo vét gây tai nạn hàng hải, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do lỗi chủ quan của nhà thầu, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận chấm dứt hợp đồng đã ký kết và thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công khác đủ năng lực theo quy định để tiếp tục thực hiện công trình;

k) Ngoài các biện pháp quy định tại điểm g, điểm h và điểm i khoản này, nhà thầu thi công còn phải chịu phạt hợp đồng, khắc phục hậu quả vi phạm, chịu trách nhiệm đối với các sự cố xảy ra liên quan đến hoạt động của tàu thuyền do luồng tàu cạn và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và thoả thuận trong hợp đồng thi công đã ký kết.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm

a) Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện thi công của nhà thầu và quá trình khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường;

b) Định kỳ thực hiện đo đạc khảo sát thông báo hàng hải theo quy định để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu. Trường hợp phát hiện các vị trí cạn, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chủ động thông báo yêu cầu nhà thầu tiến hành nạo vét ngay các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, đồng thời thông báo cho đơn vị tư vấn giám sát để thực hiện giám sát thi công theo quy định;

c) Công bố thông báo hàng hải trên cơ sở kết quả đo đạc, khảo sát theo quy định;

d) Định kỳ báo cáo kết quả đo đạc, khảo sát và kết quả thực hiện thi công nạo vét duy tu cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ Hàng hải tại khu vực theo quy đinh tại hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải;

đ) Báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường trong quá trình thực hiện nạo vét, duy tu cho Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Tổ chức kiểm tra giám sát việc tuân thủ của nhà thầu thi công trong quá trình thi công đối với các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn giao thông. Đề xuất chủ đầu tư đình chỉ thi công để xử lý hành vi vi phạm của nhà thầu và tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

3. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm

a) Chỉ đạo Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các đơn vị liên quan thực hiện đo đạc, khảo sát định kỳ thông báo hàng hải theo quy định để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu và phục vụ nghiệm thu công trình theo giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng;

b) Chỉ đạo đơn vị tư vấn thực hiện đo đạc, khảo sát kiểm tra đột xuất để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu thi công;

c) Kiểm điểm chất lượng, tiến độ nạo vét, duy tu công trình, an toàn hàng hải trong quá trình thi công; đình chỉ thi công và xử lý hành vi vi phạm của nhà thầu và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định.

4. Công tác kiểm tra, giám sát: thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 11. Nghiệm thu công trình

1. Công tác nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định thực hiện theo quy

định tại khoản 1, 4, 6 Điều 21 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm ra thông báo hàng hải theo quy định khi công trình hoàn thành.

Điều 12. Thanh toán, quyết toán công trình

Công tác thanh toán, quyết toán công trình thực hiện theo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN NẠO VÉT DUY TU ĐỘT XUẤT LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

Điều 13. Các trường hợp nạo vét duy tu đột xuất

Nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải công cộng để đảm bảo an toàn giao thông là công việc nạo vét theo các nhiệm vụ đột xuất phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng gây ra có nguy cơ mất an toàn hàng hải hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động hàng hải.

Điều 14. Phân công tổ chức thực hiện

Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư đối với công trình nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải công cộng.

Điều 15. Trình tự thực hiện

Nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải công cộng thực hiện theo các bước sau:

1. Trình, phê duyệt nhiệm vụ đột xuất.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Khảo sát bàn giao mặt bằng, lập thiết kế, dự toán công trình.

4. Tổ chức thi công công trình và kiểm tra giám sát.

5. Nghiệm thu công trình.

6. Quyết toán công trình.

7. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước.

8. Thanh toán công trình.

Điều 16. Trình, phê duyệt nhiệm vụ đột xuất

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải tại khu vực tiến hành khảo sát ban đầu và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng bao gồm vị trí đổ chất nạo vét đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

2. Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, đánh giá mức độ bồi, lấp, sạt lở luồng và nguy cơ mất an toàn hàng hải hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động hàng hải; thực hiện vai trò người quyết định đầu tư để phê duyệt nhiệm vụ đột xuất và quyết định thực hiện nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải.

Điều 17. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm đánh giá, đề xuất nhà thầu (thi công, giám sát, khảo sát, thiết kế có năng lực, kinh nghiệm) để thực hiện ngay các gói thầu do sự cố bất khả kháng gây ra, trình Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận chủ trương trước khi thực hiện lựa chọn nhà thầu.

2. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao thầu, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện:

a) Khảo sát bàn giao mặt bằng, lập thiết kế, dự toán theo quy định trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt; hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

b) Trên cơ sở kết quả thương thảo hợp đồng, ý kiến chấp thuận nhà thầu của Cục Hàng hải Việt Nam, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phê duyệt kết quả chỉ định thầu và ký kết hợp đồng với các nhà thầu được chỉ định thầu.

Điều 18. Khảo sát bàn giao mặt bằng, lập thiết kế, dự toán công trình

1. Khảo sát bàn giao mặt bằng

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức triển khai công tác đo đạc bàn giao mặt bằng sau khi Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận chủ trương lựa chọn nhà thầu (thi công, giám sát, khảo sát, thiết kế) thực hiện khắc phục sự kiện bất khả kháng;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát và nghiệm thu kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.

2. Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình được lập trên cơ sở kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng nạo vét luồng bị bồi, lấp, sạt lở do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức lập, thẩm tra và trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình; tổ chức rà soát, trình đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu do các đơn vị tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát lập.

4. Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt các nội dung do Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trình theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 19. Tổ chức thi công công trình và kiểm tra giám sát

1. Tổ chức thi công công trình

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được giao chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra quá trình thực hiện của nhà thầu thi công, tư vấn giám sát trong quá trình thi công công trình;

b) Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra đột xuất (nếu cần) để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình;

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức lập phương án bảo đảm an toàn giao thông trình Cảng vụ Hàng hải tại khu vực phê duyệt theo quy định.

2. Kiểm tra, giám sát: thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 20. Nghiệm thu công trình

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm ra thông báo hàng hải theo quy định khi công trình hoàn thành.

Điều 21. Thanh toán, quyết toán công trình

Công tác thanh toán, quyết toán công trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước

Kinh phí thực hiện nạo vét đột xuất luồng hàng hải công cộng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho sự nghiệp kinh tế hàng hải (nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn giao thông).

Mục 4
HỢP ĐỒNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI

Điều 23. Hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải

1. Hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng thực hiện bảo trì theo khối lượng thực tế (áp dụng đối với nạo vét duy tu hàng năm, nạo vét duy tu đột xuất để đảm

bảo an toàn giao thông) là hợp đồng có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng (hợp đồng theo đơn giá cố định).

2. Hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng thực hiện bảo trì theo chất lượng thực hiện (áp dụng đối với nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định) là hợp đồng có giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng (hợp đồng trọn gói).

Điều 24. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng

1. Cục Hàng hải Việt Nam là chủ đầu tư giao cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công một số nhiệm vụ của chủ đầu tư về nạo vét duy tu luồng hàng hải thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải được ký kết giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thương thảo nội dung hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải với nhà thầu thi công trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nạo vét duy tu luồng hàng hải nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Nội dung hợp đồng thi công

Nội dung hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng về quản lý hợp đồng thi công xây dựng công trình. Ngoài ra, nội dung hợp đồng thi công phải có thêm những quy định sau:

1. Trường hợp nhà thầu thi công không hoàn thành việc thi công công trình đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng sau khi chủ đầu tư đã nhắc nhở, đôn đốc bằng văn bản đến lần thứ ba sẽ không được nghiệm thu, thanh toán và bị chấm dứt hợp đồng, chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại, tổn thất của công trình cho chủ đầu tư theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp nhà thầu thi công vận chuyển đổ chất nạo vét không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường hoặc chuyển nhượng thầu sai quy định sẽ phải chịu trách nhiệm khắc phục những thiệt hại do mình gây ra và sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với hợp đồng thi công nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện:

a) Hình thức hợp đồng phải ghi rõ "không điều chỉnh kinh phí thực hiện";

b) Nội dung hợp đồng đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và phải quy định rõ phạm vi, quy mô, chuẩn tắc, thời gian thực hiện hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, xử lý vi phạm, trường hợp bất khả kháng, các nội dung cần thiết khác.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN NẠO VÉT VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM

Điều 26. Lập và công bố danh mục khu vực nạo vét

1. Hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập mới hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục khu vực nạo vét trên cơ sở các thông tin quy định tại khoản 2, Điều 4 Thông tư này và các thông tin sau:

a) Tên địa điểm, thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế của khu vực nạo vét;

b) Dự kiến khối lượng sản phẩm tận thu, chủng loại sản phẩm tận thu, thời gian thực hiện;

b) Dự kiến chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

2. Danh mục khu vực nạo vét phải có những nội dung chủ yếu theo quy định của khoản 3 Điều 26 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

3. Trình tự phê duyệt danh mục khu vực nạo vét

a) Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, lập danh mục khu vực nạo vét, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 6 hàng năm;

b) Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có khu vực nạo vét (nếu cần) trước ngày 01 tháng 7 hàng năm;

c) Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt danh mục khu vực nạo vét.

4. Việc công bố danh mục khu vực nạo vét thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

Điều 27. Chi phí chuẩn bị đầu tư

Căn cứ danh mục khu vực nạo vét được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam lập chi phí chuẩn bị đầu tư bao gồm các chi phí quy định tại điểm a, điểm b và điểm c, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP, trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, thẩm định, tổng hợp chi phí chuẩn bị đầu tư vào kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm.

Điều 28. Các nội dung cần thiết của hợp đồng dự án

Hợp đồng dự án xã hội hóa nạo vét vùng nước cảng biển được thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng về hợp đồng thi công xây dựng, ngoài ra bao gồm một số nội dung cụ thể sau đây:

1. Thông tin về các bên trong hợp đồng

Bên A: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Điều 24 của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

Bên B: Nhà đầu tư

Các thông tin về các bên bao gồm: thông tin về người đại diện theo pháp luật, chức vụ, địa chỉ, điện thoại, số tài khoản, số fax, mã số thuế của từng bên tham gia hợp đồng.

2. Mục tiêu, địa điểm thực hiện dự án

a) Mô tả mục tiêu dự án;

b) Mô tả địa điểm thực hiện dự án.

3. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm thời gian giải phóng mặt bằng, thời điểm khởi công xây dựng và tiến độ thực hiện từng hạng mục, từng khu vực thuộc dự án, thời điểm hoàn thành công trình được lập thành phụ lục chi tiết, quy định cụ thể tiến độ và thời gian thực hiện từng hạng mục, từng khu vực;

b) Quy định các trường hợp và điều kiện được gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn.

4. Quy mô, giải pháp thi công

a) Mô tả quy mô dự án (hạng mục, chuẩn tắc, khối lượng, phạm vi, trang thiết bị phục vụ thi công, tính năng phương tiện thi công, thiết bị giám sát phương tiện thi công...);

b) Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch thi công.

5. Giá hợp đồng bao gồm các nội dung:

a)[2] Kinh phí thực hiện nạo vét bao gồm: kinh phí nạo vét; kinh phí hoàn trả cho nhà nước đã thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của dự án, chi phí khác;

b) Giá trị sản phẩm thu hồi;

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

c) Giá trị thanh toán phần chênh lệch giữa kinh phí thực hiện nạo vét và giá trị sản phẩm thu hồi;

d) Điều chỉnh kinh phí nạo vét, giá trị sản phẩm thu hồi và giá trị thanh toán phần chênh lệch.

6. Bàn giao mặt bằng xây dựng

Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện bàn giao mặt bằng hiện trường thi công cho nhà đầu tư trước thời điểm thực hiện thi công nạo vét.

7. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng thi công dự án và nghiệm thu, bàn giao dự án

a) Các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng thi công dự án;

b) Điều kiện nghiệm thu, căn cứ nghiệm thu, thành phần nghiệm thu;

c) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao.

8. Chuyển nhượng và chuyển giao dự án

Nhà đầu tư không được phép chuyển nhượng và chuyển giao dự án.

9. Trước khi ký hợp đồng thầu thi công, Bên B phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu tư vấn, cung cấp hàng hóa, thi công và nhà thầu khác để áp dụng thống nhất trong quá trình thực hiện dự án trên cơ sở đảm bảo công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế;

b) Gửi danh sách nhà thầu thi công kèm theo hồ sơ năng lực của nhà thầu thi công tới Bên A để được chấp thuận;

c) Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các nhà thầu thi công thực hiện;

d) Bên B không được giao khối lượng công việc theo hợp đồng cho nhà thầu thi công thực hiện quá tỷ lệ quy định trong hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư và quy định của pháp luật liên quan.

10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

a) Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm hợp đồng trong khoảng từ 01% đến 03% tổng mức đầu tư của dự án, hình thức bảo đảm hợp đồng có thể lựa chọn một trong các hình thức đặt cọc hoặc ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính tại Việt Nam.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà đầu tư đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà đầu tư đứng đầu liên danh nộp bảo đảm cho Bên A, từng thành viên nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên B đã thi công, hoàn thành dự án tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong;

b) Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp khác (do các bên thỏa thuận). Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng.

11. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Tổ chức bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công công trình phục vụ thi công theo hợp đồng cho Bên B.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hướng dẫn nhà đầu tư tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát độc lập đủ điều kiện để giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định pháp luật hiện hành

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, tiến độ thực hiện dự án, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

đ) Nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng và tiếp nhận công trình do Bên B bàn giao

e) Hỗ trợ Bên B liên hệ với các cơ quan địa phương để giải quyết những vấn đề phát sinh (nếu có).

g) Xem xét các đề xuất thay đổi hợp lý của Bên B về tổng vốn đầu tư, thiết kế kỹ thuật và các điều kiện khác để đảm bảo hiệu quả Dự án và trình cấp thẩm quyền quyết định.

h) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành đầy đủ các thủ tục về tài nguyên, môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Lập, trình duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

c) Lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát độc lập có năng lực (bằng kinh phí của Bên B) sau khi có ý kiến của Bên A để giám sát quá trình thực hiện dự án, đồng thời tiến hành nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng, theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định pháp luật hiện hành.

d) Tổ chức tiếp nhận, bàn giao mốc giới, mặt bằng thi công nạo vét.

đ) Tổ chức quản lý hoặc lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn độc lập có năng lực (bằng kinh phí của Bên B) để quản lý thi công xây dựng, thực hiện công tác khảo sát đo đạc định kỳ, đồng thời tiến hành nghiệm thu đưa công trình

vào sử dụng, thanh quyết toán hợp đồng, theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và quy định của pháp luật.

e) Thực hiện dự án theo đúng các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và hợp đồng này.

g) Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình thi công. Tự chịu trách nhiệm về an toàn thiết bị và nhân công lao động trong quá trình thực hiện dự án.

h) Thực hiện đầy đủ chế độ thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

i) Thực hiện Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 10 Điều này.

k) Thực hiện khảo sát đo đạc định kỳ kết quả thực hiện dự án (căn cứ thời gian và tiến độ thi công chi tiết của dự án để quy định cụ thể thời gian khảo sát đo đạc định kỳ) với sự tham gia giám sát của đại diện Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải khu vực và cơ quan, đơn vị liên quan khác do Cục Hàng hải Việt Nam lựa chọn. Số liệu khảo sát đo đạc định kỳ sau khi hoàn thành, Bên B phải gửi ngay đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải để thực hiện công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

l) Báo cáo định kỳ hàng tuần với Cảng vụ Hàng hải khu vực và hàng tháng với Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện Dự án, kèm theo bản chụp nhật ký thi công (các tuần báo cáo). Nhật ký thi công phải được ghi theo mẫu được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công ghi chép nhật ký thi công nạo vét theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

m) Yêu cầu tổ chức tư vấn giám sát Báo cáo định kỳ hàng tháng kết quả thực hiện Dự án của nhà đầu tư, tư vấn giám sát theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban

hành kèm theo Thông tư này, kèm theo bản chụp nhật ký thi công (trong tuần báo cáo) về Cảng vụ Hàng hải khu vực, Cục Hàng hải Việt Nam.

n) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

13. Phạt vi phạm hợp đồng

a) Bên A vi phạm bất cứ điều khoản nào của hợp đồng dẫn đến hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn thì Bên A chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B các chi phí hợp lý mà Bên B đã thực hiện tính đến thời điểm dừng hợp đồng nhưng không quá 3% (ba phần trăm) kinh phí nạo vét. Khoản tiền bồi thường sẽ được Bên A báo cáo cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt nguồn chi trả cho Bên B;

b) Bên B thi công chậm tiến độ (căn cứ từng dự án để quy định cụ thể về thời gian và mức phạt), khoản tiền này sẽ được lấy từ Bảo đảm thực hiện Hợp đồng, nếu không đủ nhà đầu tư phải nộp bổ sung;

c) Bên B vi phạm bất cứ điều khoản nào của hợp đồng gây hậu quả trực tiếp tới tiến độ, chất lượng của dự án hoặc do lỗi của Bên B dẫn đến hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn (trừ trường hợp bất khả kháng được quy định tại Hợp đồng này) thì Bên B chịu phạt hợp đồng (căn cứ từng dự án để quy định cụ thể mức phạt), khoản tiền này sẽ được lấy từ Bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu không đủ nhà đầu tư phải nộp bổ sung.

14. Chấm dứt hợp đồng

a) Chấm dứt vào ngày hết hạn của hợp đồng nếu không có yêu cầu gia hạn được hai bên thống nhất và được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc khi Bên B hoàn thành dự án và bàn giao công trình cho Bên A (tùy theo trường hợp nào đến trước);

b) Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu: Bên B không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng; Bên B bỏ dở công trình hoặc không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; Bên B không có lý do chính đáng mà 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng; Bên B giao thầu phụ

toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A; Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị thu hồi đăng ký kinh doanh, bị quản lý tài sản.

c) Bên B được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu: Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; Việc tạm ngừng dự án do lỗi của Bên A hoặc do quy định của Chính phủ bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bên yêu cầu chấm dứt phải gửi cho bên kia thông báo về việc chấm dứt trước 10 ngày và tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng, ngoại trừ trường hợp một bên bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị thu hồi đăng ký kinh doanh, bị quản lý tài sản thì có thể thực hiện chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

đ) Việc chấm dứt hợp đồng sẽ không ảnh hưởng hoặc giải phóng bên nào khỏi bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ hay trách nhiệm nào xảy ra hay phát sinh trước ngày chấm dứt hợp đồng.

15. Quyết toán hợp đồng

a) Sau khi Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng được các bên ký kết, Bên B sẽ trình cho Bên A hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu bao gồm: Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng; Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ chi phí thực hiện nạo vét, giá trị sản phẩm thu hồi, giá trị thanh toán hợp đồng; hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Trường hợp có thay đổi khối lượng nạo vét giữa biên bản nghiệm thu hoàn thành và khối lượng trong hợp đồng, thực hiện tính toán bù, trừ giá trị thanh toán hợp đồng theo Phương án tài chính trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt trước khi thanh toán.

16. Thanh lý hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp: các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký; hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của khoản 14 Điều này.

b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại khoản 13 Điều này. Trừ trường hợp Bên A hoặc Bên B bị phá sản, vỡ nợ, bị thu hồi đăng ký kinh doanh thì hợp đồng tự động hết hiệu lực mà không cần tiến hành thanh lý.

17. Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể và được miễn trừ trách nhiệm do bất khả kháng gây ra.

18. Các tài liệu kèm theo hợp đồng

a) Các tài liệu kèm theo của hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm: văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu; điều kiện cụ thể của hợp đồng; điều kiện chung của hợp đồng; Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của Bên A; các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật; Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của Bên B; Biên bản đàm phán hợp đồng, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; các phụ lục của hợp đồng; các tài liệu khác có liên quan.

b) Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng

Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự quy định tại điểm a khoản này.

19. Giải quyết tranh chấp

a) Hợp đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam;

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, hai bên phải tích cực phối hợp và ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trong vòng 30 ngày từ ngày phát sinh tranh chấp;

c) Trong trường hợp hai bên không thương lượng được thì báo cáo cơ quan phê duyệt thực hiện dự án xem xét. Trường hợp vẫn chưa thống nhất thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[3]

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định thực hiện từ năm 2020.

3. Bãi bỏ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng

---

[3] Điều 3 của Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

hải và Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 02/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

MẪU NHẬT KÝ THI CÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ THI CÔNG

PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG:.....

QUYỂN SỐ...../**SỐ QUYỂN**.....

(Từ ngày...../...../20..... đến ngày...../..... /20.....)

Gói thầu số..... :.....
Công trình :.....
Chủ đầu tư :.....
Đại diện Chủ đầu tư:.....
Nhà thầu thi công :.....
Tư vấn giám sát :.....

Cách ghi: - Quyển số: Ghi từ quyển 1 đến hết của một phương tiện;
- Số quyển: Là tổng số quyển của một phương tiện;
- Từ ngày: Là ngày đầu tiên ghi nhật ký chi tiết TC công trình;
- Đến ngày: Là ngày cuối cùng ghi nhật ký chi tiết TC công trình.

....., Năm 20.....

Trang 02/Quyển số....

NHẬT KÝ THI CÔNG

Số:...../20...../NVDT

- Địa điểm thi công:... *(Ghi tên luồng và địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc TW)*.....

- Phạm vi thi công:..... *(Ghi lý trình, hoặc MC, hoặc khu vực... theo thiết kế)*.....

- Đại diện Chủ đầu tư:.....

- Giám sát của Đại diện Chủ đầu tư tham gia tại hiện trường:

TT	Họ và tên	Điện thoại
	Ông:.....	
	Ông:.....	

- Tư vấn giám sát thi công: .....

+ Giám sát trưởng: Ông.....; điện thoại: .....

+ Giám sát viên:

TT	Họ và tên	Khu vực thi công phụ trách (từ MC số..... đến MC số.....)	Điện thoại
	(Ghi đầy đủ số TVGS phụ trách ký vào nhật ký)	*(Ghi đầy đủ khu vực của từng TVGS phụ trách ký vào nhật ký)*	
	Ông:.....		
	Ông:.....		

- Nhà thầu thi công:.....

+ Chỉ huy trưởng công trình: Ông.....; điện thoại: .....

+ Cán bộ kỹ thuật thi công:

TT	Họ và tên	Khu vực thi công phụ trách (từ MC số..... đến MC số.....)	Điện thoại
	(Ghi đầy đủ số CBKT phụ trách ký vào nhật ký thi công)	*(Ghi đầy đủ khu vực của từng CBKT phụ trách ký vào nhật ký thi công)*	
	Ông:.....		
	Ông:.....		

- Nhà thầu phụ (nếu có): .....

+ Khu vực thi công của Nhà thầu phụ: .....

- Bắt đầu thi công (ngày, tháng, năm):.....

- Kết thúc thi công (ngày, tháng, năm): .....

Trong nhật ký này có..... trang, được đánh số từ 01 đến.... và được Nhà thầu thi công, Đại diện Chủ đầu tư cùng đóng dấu giáp lai tất cả các trang trước khi triển khai thi công.

Đại diện Chủ đầu tư	**Tư vấn giám sát**	**Nhà thầu thi công**

(Người lãnh đạo tổ chức, đơn vị ký tên và đóng dấu)

Trang..... (tiếp theo)/Quyển số....

NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH

(Sử dụng cho phương tiện Sà lan vận chuyển và phương tiện Cẩu ngoạm)

Nạo vét duy tu Luồng hàng hải..... năm 20.....

....., ngày..... tháng..... năm 201....

TT	Phương tiện thi công nạo vét		Họ tên người điều khiển Phương tiện thi công vận chuyển	Thời gian thi công (h)		Khu vực thi công (MC số... đến MC số...)	Thời gian vận chuyển đi đổ chất nạo vét (h)		Khối lượng nạo vét vận chuyển đi đổ tạm tính (m^3)	Tọa độ tại vị trí lúc đổ chất nạo vét (tọa độ GPS)		Ghi chú
	Tên phương tiện, ký hiệu	Họ tên người điều khiển phương tiện		Bắt đầu cuốc/nhận CNV	Kết thúc cuốc/nhận CNV		Bắt đầu di chuyển	Đến vị trí đổ		□	□	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
						Cộng thực hiện trong ngày:			chuyến, tạm tính:			m^3

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATHH và vệ sinh môi trường:.....
- Điều kiện thời tiết: .....
- Tình trạng hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét: .....
- Khó khăn, vướng mắc (nếu có):.....
- Lưu ý khác: .....

.....

Giám sát viên **Giám sát trưởng** **Cán bộ kỹ thuật thi công** **Chỉ huy trưởng công trường**

(Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)

Trang..... (tiếp theo)/Quyển số....

NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH

(Sử dụng cho phương tiện Tàu hút tự hành)

Nạo vét duy tu Luồng hàng hải..... năm 20.....

....., ngày..... tháng..... năm 201....

TT	Tên phương tiện thi công, ký hiệu	Họ tên người điều khiển phương tiện	Thời gian thi công (h)		Khu vực thi công (MC số... đến MC số...)	Thời gian vận chuyển đi đổ chất nạo vét (h)		Khối lượng nạo vét vận chuyển đi đổ tạm tính (m^3)	Tọa độ tại vị trí lúc đổ chất nạo vét (tọa độ GPS)		Ghi chú
			Bắt đầu hút CNV	Kết thúc hút CNV		Bắt đầu di chuyển	Đến vị trí đổ		φ	□	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
				Cộng thực hiện trong ngày:				chuyến, tạm tính:			m^3

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATHH và vệ sinh môi trường:.....
- Điều kiện thời tiết: .....
- Tình trạng hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét: .....
- Khó khăn, vướng mắc (nếu có):.....
- Lưu ý khác: .....

.....

Giám sát viên **Giám sát trưởng** **Cán bộ kỹ thuật thi công** **Chỉ huy trưởng công trường**

(Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)

Trang..... (tiếp theo)/Quyển số....

NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH

(Sử dụng cho phương tiện Tàu hút phun)

Nạo vét duy tu Luồng hàng hải..... năm 20.....

....., ngày..... tháng..... năm 201....

Số lần phun trong ngày	Họ tên người điều khiển phương tiện	Thời gian thi công (h)		Số giờ hút (giờ)	Năng suất hút tạm tính (m^3/h)	Khối lượng hút chất nạo vét tạm tính (m^3)	Ghi chú
		Bắt đầu hút	Kết thúc hút				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)
1							
		Cộng thực hiện trong ngày:			giờ,	tạm tính:	m^3

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATHH và vệ sinh môi trường:.....
- Điều kiện thời tiết: .....
- Khó khăn, vướng mắc (nếu có):.....
- Lưu ý khác: .....

.....

.....

Giám sát viên	**Giám sát trưởng**	**Cán bộ kỹ thuật thi công**	**Chỉ huy trưởng công trường**

(Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT
Tuần..... (từ ngày..../..../.... đến ngày..../..../....)

1. Cơ sở lập báo cáo

.....

2. Thông tin chung về gói thầu thi công nạo vét

- Tên công trình: Nạo vét duy tu Luồng hàng hải .....
- Chủ đầu tư: .....
- Đại diện Chủ đầu tư:.....
- Đơn vị Tư vấn giám sát: .....
- Nhà thầu thi công nạo vét:.....
- Nhà thầu phụ (nếu có): .....
- Địa điểm, phạm vi thi công: .....
- Khối lượng nạo vét theo thiết kế: .....
- Vị trí và cự ly vận chuyển đổ đất nạo vét: .....
- Biện pháp thi công chính:.....
- Tiến độ hoàn thành công trình:.....
- Ngày khởi công công trình:.....

3. Khái quát về gói thầu tư vấn giám sát

- Tên gói thầu:.....
- Thời gian thực hiện: .....
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: .....
- Hình thức hợp đồng:.....

4. Tổ chức nhân sự thực hiện công tác giám sát

a) Giám sát của Đại diện Chủ đầu tư..... tại hiện trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại - Email	Ghi chú

b) Tư vấn giám sát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Khu vực phụ trách giám sát	Điện thoại - Email	Ghi chú

5. Các công tác của tư vấn giám sát trong tuần

.....

6. Chi tiết nhà thầu thực hiện và khối lượng đạt được

a) Các công tác chính Nhà thầu thực hiện trong tuần

.....

b) Nhân lực do Nhà thầu huy động trên công trường tại thời điểm báo cáo

- Nhân sự Ban chỉ huy công trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Hạng mục phụ trách	Điện thoại - Email	Ghi chú

- Công nhân lao động, thủy thủ, thuyền viên: *(số lượng)*..... người.

c) Thiết bị thi công nhà thầu đã huy động đến công trường:

(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 01 kèm theo)

d) Công tác thi công nạo vét:

- Khối lượng thi công nạo vét, vận chuyển đi đổ tính trên phương tiện trong tuần báo cáo:..... m^3.

- Lũy kế khối lượng đã thi công nạo vét, vận chuyển đi đổ tính trên phương tiện đến hết tuần báo cáo:..... m^3.

(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 02 kèm theo)

7. Các hồ sơ, tài liệu, văn bản trong tuần

a) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Nhà thầu phát hành đến TVGS trong tháng:

.....

b) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản TVGS phát hành trong tháng:

.....

c) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Chủ đầu tư phát hành trong tháng:

.....

8. An toàn lao động và vệ sinh môi trường

.....

9. Kế hoạch hoạt động của tư vấn giám sát trong tuần tới *(từ ngày..... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)*

.....

10. Nhận xét và kiến nghị

.....

Ngày.... tháng.... năm 201....

Giám sát trưởng	**Tư vấn giám sát**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Người lãnh đạo đơn vị ký tên và đóng dấu)*

Nơi gửi:

- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);

- Đại diện Chủ đầu tư..... (để b/c);

- Nhà thầu thi công.....

** Tài liệu gửi kèm theo báo cáo này:*

- Bản chụp (photocopy) Nhật ký thi công công trình (trong tuần) từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....;

- Các Mẫu tổng hợp số 01, số 02, số 03 và số 04;

- Tài liệu liên quan khác.....

MẪU TỔNG HỢP SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ THI CÔNG CHÍNH
(Đã được Cảng vụ Hàng hải..... cấp phép hoạt đông thi công)
Công trình: Nạo vét duy tu Luồng hàng hải..... Năm 20.....

TT	Tên phương tiện	Số đăng ký hành chính của phương tiện	Cấp phương tiện/Vùng hoạt động	Công suất (CV/HP). Sức nâng (T). Trọng tải toàn phần/Sức chở/ Khả năng khai thác/Lượng chở hàng (T)	Công dụng	Số đăng kiểm/số phân cấp... Hiệu lực ngày .../../... đến ngày.../.../...	GXN hoạt động TBGSNV số... Hiệu lực từ ngày.../.../... đến ngày../../.. Luồng ĐK hoạt động	GCN Bảo hiểm PT số ... Hiệu lực từ ngày .../..../... đến ngày.../.../...	VB cấp phép thi công số... Hiệu lực từ ngày..../.../... đến ngày.../.../...	Chủ phương tiện/đơn vị sử dụng/thuê phương tiện theo HĐ số... ngày.../.../...	Theo HSDT/thay thế/bổ sung theo VB chấp thuận số... ngày.../.../... của...	Họ và tên thuyền trưởng/ người điều khiển chính
1	Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện *(VD: Quê Hương 27)*	Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện *(VD: HP 4165)*	Ghi theo Đăng kiểm phương tiện *(VD: VR-SB hoặc Biển hạn chế III)*	Tàu kéo ghi công suất (CV/HP). Cẩu thì ghi sức nâng (T). Tàu hút phun ghi năng suất (m^3/h). Phương tiện vận chuyển ghi Trọng tải toàn phần/Sức chở/ Khả năng khai thác/Lượng chở hàng (T)	Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện	Tàu Sông ghi Số đăng kiểm *(VD: V15-02582. Hiệu lực từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/02/2017).* Tàu biển ghi số phân cấp *(VD: VR870333. Hiệu lực từ ngày 04/02/2016 đến ngày 24/7/2017)*	*VD: GXN số HP-04/2016. Hiệu lực từ ngày 21/11/2016 đến ngày 14/3/2017. Luồng Phà rừng, Sông Cấm*	*VD: GCN bảo hiểm số TEA 0006692. Hiệu lực từ ngày 04/02/2016 đến ngày 04/02/2017*	*VD: văn bản số 2177/CVHH HP-QLC. Hiệu lực từ ngày 22/11/2016 đến ngày 31/12/2016*	*VD: Công ty A/Công ty B thuê PT theo HD số 15 ngày 12/11/2016*	*VD: Ghi bổ sung theo VB chấp thuận số 2620/TCT.BĐATH HMB-KTKH ngày 28/11/2016 của.....*	*VD: Nguyễn Văn A*
2												
3												

MẪU TỔNG HỢP SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VẬN CHUYỂN TẠM TÍNH TRÊN PHƯƠNG TIỆN
(Tổng hợp từ nhật ký thi công)
Công trình: Nạo vét duy tu Luồng Hàng hải..... năm 20.....

TT	Ngày/ Tháng/ Năm	Khối lượng vận chuyển tạm tính trên phương tiện									Tổng KL vận chuyển tạm tính trên phương tiện		KL theo KH trong HSDT/ điều chỉnh (m^3/ ngày)	Tỷ lệ (%)			Thời gian thực hiện hợp đồng còn lại theo HĐ ban đầu/ Điều chỉnh (ngày)	Nhận xét	Nhà thầu báo dừng Thi công do ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết (ngày)
		(Tên/Số ĐKHC phương tiện)			(Tên/Số ĐKHC phương tiện)			(Tên/Số ĐKHC phương tiện)						KL đã TH so với KH trong HSDT/ điều chỉnh	KL đã TH so với tổng KL phải TC theo HĐ/điều chỉnh (theo HĐ .... m^3)	TG đã TH so với TG hoàn thành theo HĐ ban đầu/ Điều chỉnh (theo HĐ... ngày)			
		Khả năng KT/ TTTP (T)		.....	Khả năng KT/ TTTP (T)		.....	Khả năng KT/ TTTP (T)		.....									
		KL vận chuyển (m^3)		.....	KL vận chuyển (m^3)		.....	KL vận chuyển (m^3)		.....									
		V.Trí TC (MC... đến MC...)	S.ch	KL (m^3)	V.Trí TC (MC... đến MC...)	S.ch	KL (m^3)	V.Trí TC (MC... đến MC...)	S.ch	KL (m^3)	S.ch	KL (m^3)							
1																		**Phát lệnh khởi công .....**	
2																		Ghi số PT thực TC trong ngày/số PT đã được CV cấp phép TC. Nguyên nhân các PT không TC và Ghi các nhận xét khác cần thiết *(VD: Chưa đủ PT theo HSDT, không đạt KH....)*	Ghi rõ đặc điểm thời tiết (sóng cấp..., gió cấp...)
3																			
4																			
T1	***Cộng tuần 1***																		
	Lũy kế																		
5	....																		
6	....																		
..	.....																		
..	.....																		
T2	***Cộng tuần 2***																		
	Lũy kế																		
...	...																		

MẪU TỔNG HỢP SỐ 03: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN

<table>
<tr><td colspan="3">Công trình:</td><td rowspan="3">Số chuyến thực hiện lũy kế từ đầu:..... chuyến</td></tr>
<tr><td colspan="3">Nhà thầu thi công:</td></tr>
<tr><td>Phương tiện thi công:</td><td>Ngày.../.../201.....</td><td>Chuyến thứ:... trong ngày</td></tr>
<tr><td>Ảnh khoang chứa bùn, đất</td><td colspan="2">Ảnh màn hình Camera</td><td>Ảnh màn hình AIS</td></tr>
<tr><td colspan="4">1. Trước khi nhận bùn, đất nạo vét</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa bùn đất)</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="4">2. Sau khi nhận bùn, đất nạo vét</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa bùn đất)</td><td></td></tr>
</table>

Ảnh khoang chứa bùn, đất	Ảnh màn hình Camera	Ảnh màn hình AIS
3. Trước khi xả bùn, đất nạo vét		
	(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa bùn đất)	
4. Sau khi xả bùn, đất nạo vét		
	((Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa bùn đất)	

MẪU TỔNG HỢP SỐ 04: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN

<table>
<tr><td colspan="3">Công trình:</td><td rowspan="3">Số chuyến thực hiện lũy kế từ đầu:.....
Chuyến</td></tr>
<tr><td colspan="3">Nhà thầu thi công:</td></tr>
<tr><td>Phương tiện thi công</td><td>Ngày:.../.../201..</td><td>Chuyến thứ:..... trong ngày</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ảnh khoang chứa bùn, đất (khoang mũi/khoang lái)</td><td colspan="2">Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS</td></tr>
<tr><td colspan="4">1. Trước khi nhận bùn, đất nạo vét</td></tr>
<tr><td colspan="2">Khoang mũi</td><td colspan="2">(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa bùn đất)

Ảnh màn hình Camera</td></tr>
<tr><td colspan="2">Khoang lái</td><td colspan="2">Ảnh màn hình AIS</td></tr>
</table>

Ảnh khoang chứa bùn, đất (khoang mũi/khoang lái)	Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS
2. Sau khi nhận bùn, đất nạo vét	
Khoang mũi	*(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa bùn đất)* Ảnh màn hình Camera
Khoang lái	Ảnh màn hình AIS

Ảnh khoang chứa bùn, đất (khoang mũi/khoang lái)	Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS
3. Trước khi xả bùn, đất nạo vét	
Khoang mũi	*(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa bùn đất)* Ảnh màn hình Camera
Khoang lái	Ảnh màn hình AIS

Ảnh khoang chứa bùn, đất (khoang mũi/khoang lái)	Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS
4. Sau khi xả bùn, đất nạo vét	
Khoang mũi	*(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho từng khoang chứa bùn đất)* Ảnh màn hình Camera
Khoang lái	Ảnh màn hình AIS

Phụ lục III

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ GIÁM SÁT NẠO VÉT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ GIÁM SÁT NẠO VÉT LẮP ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG

CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI..... NĂM.....

Lần kiểm tra thứ:.....

I. Cơ sở lập biên bản kiểm tra

- Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Căn cứ Thông tư ..... ;

- Căn cứ Quyết định ..... ;

- Căn cứ ..... ;

II. Thông tin chung về gói thầu thi công nạo vét

- Gói thầu số: ..... ;

- Tên công trình: Nạo vét duy tu Luồng hàng hải ..... ;

- Chủ đầu tư: ..... ;

- Đại diện Chủ đầu tư: ..... ;

- Đơn vị Tư vấn giám sát: ..... ;

- Nhà thầu thi công nạo vét:..... ;

- Địa điểm thi công:... *(Ghi tên luồng và địa danh tỉnh, thành phố)* .....

III. Thành phần tham gia kiểm tra

1. Đại diện Chủ đầu tư: .....

- Ông/bà....., Chức danh:....., điện thoại: .....

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS:.....

- Ông/bà....., Chức danh:....., điện thoại: .....

3. Đại diện Tư vấn giám sát: .....

- Ông/bà....., Chức danh:....., điện thoại: .....

4. Đại diện Nhà thầu thi công: .....

- Ông/bà....., Chức danh:....., điện thoại: .....

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.... tại..... Đại diện các đơn vị nêu trên cùng tham gia kiểm tra hệ thống thiết bị giám sát nạo vét được lắp đặt trên phương tiện tham gia thi công công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải..... với các nội dung và kết quả kiểm tra dưới đây.

IV. Nội dung và kết quả kiểm tra

- Tên tàu và ký hiệu: ..... ;

- Số đăng ký hoặc hô hiệu: ..... ;

- Số MMSI: ..... ;

- Cảng đăng ký:..... ;

- Số IMO: ..... ;

- Dung tích của tàu:..... ;

- Thuyền trưởng: .....

1. Thông tin các thiết bị AIS và Camera được lắp đặt trên tàu như sau:

1.1. Thông tin chi tiết về thiết bị AIS lắp đặt trên tàu

- Nhà sản xuất: ..... ;

- Năm sản xuất: ..... ;

- Số Seri: ..... ;

- Chủng loại: ..... ;

- Class: .....

1.2. Thông tin chi tiết về thiết bị Camera lắp đặt trên tàu

- Nhà sản xuất: ..... ;

- Năm sản xuất: ..... ;

- Số Seri: ..... ;

- Chủng loại: .....

1.3. Thông tin chi tiết về thiết bị bộ ghi hình lắp đặt trên tàu

- Nhà sản xuất: ..... ;

- Năm sản xuất: ..... ;

- Số Seri: ..... ;

- Chủng loại: ..... ;

- Dung lượng bộ nhớ:.....

2. Kết quả kiểm tra như sau:

2.1. Thiết bị AIS lắp đặt trên tàu

Hạng mục kiểm tra	Có	Không
- Đáp ứng theo các tiêu chuẩn IEC 61162-1 và IEC 60945		
- Nguồn điện cung cấp chính:		
- Nguồn điện cung cấp dự phòng:		

Hạng mục kiểm tra	Có	Không
- Thiết bị được lắp đặt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:		
- Có tích hợp chức năng định vị hoặc kết nối với hệ thống định vị bên ngoài:		
- Thông số cài đặt trong thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:		

2.2. Thiết bị Camera và bộ ghi hình lắp đặt trên tàu

Hạng mục kiểm tra		Có	Không
Camera	- Đáp ứng chuẩn IP 66		
	- Độ phân giải hình ảnh tối thiểu 420 TV Lines:		
	- Khả năng quan sát ban đêm qua tính năng hồng ngoại:		
	- Số lượng: lắp đặt tối thiểu 02 thiết bị camera (01 hoạt động, 01 dự phòng)		
Bộ ghi hình	- Hỗ trợ chuẩn nén H.264, MPEG-4 và MJPEC:		
	- Hiển thị đầy đủ thời gian thực ở thời điểm ghi hình:		
	- Dung lượng bộ nhớ tối thiểu 1TB:		
	- Số lượng: lắp đặt tối thiểu 02 bộ ghi hình (01 hoạt động, 01 dự phòng)		
- Nguồn điện cung cấp chính:			
- Nguồn điện cung cấp dự phòng:			
- Thiết bị có chức năng cài đặt mật khẩu:			
- Thiết bị được lắp đặt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:			

V. Các ý kiến khác

- .....

- .....

VI. Kết luận:

- .....

- .....

Đại diện các đơn vị cùng tham gia kiểm tra với kết quả nêu trên và thống nhất ký tên xác nhận dưới đây. Biên bản kiểm tra này được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản được đơn vị kiểm tra gửi về Cục Hàng hải Việt Nam để báo cáo.

Đại diện Chủ đầu tư *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Tư vấn giám sát** **Giám sát trưởng** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Nhà thầu thi công** **Chỉ huy trưởng công trình** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng